

NGHỊ QUYẾT

**V/v Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân
tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021-2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ
chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân
ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về việc Hướng dẫn một số hoạt động
của Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Quy chế số 01-QC/TU ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Tỉnh ủy
Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ
tỉnh Bắc Ninh khóa XX, nhiệm kỳ 2020-2025;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 11/TTr-TT.HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2021
của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Quy chế hoạt động
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021-2026 và ý kiến
thảo luận của đại biểu.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy chế hoạt động của
Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021-2026”.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIX, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2021. /*ns*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/c);
- Bộ Nội vụ; VPQH (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ&DN tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo; Đài PTTH; Cổng TTĐT tỉnh,
- Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, phòng CT HĐND, lưu VT. *✓*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Chung

QUY CHẾ

Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh

Khóa XIX, nhiệm kỳ 2021-2026

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND
ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định nội dung cụ thể về trách nhiệm, phương thức hoạt động, điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021- 2026; mối quan hệ công tác, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối tượng điều chỉnh: Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021- 2026; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Những nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Luật Đầu tư công; Luật Tiếp công dân; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết 629/2019/UBTVQH14 ngày 30/01/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân và các quy định khác.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân; hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân ở địa phương; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Chương II **HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

Mục 1 **KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

Điều 3. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh họp thường lệ mỗi năm hai kỳ, tổ chức vào tháng 7 và tháng 12 hằng năm. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết nhiệm vụ phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh họp công khai. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định họp kín trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Nội quy kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh là hình thức hoạt động chủ yếu của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tại kỳ họp, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật để thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh tại địa phương.

2. Chương trình kỳ họp, việc triệu tập, chủ tọa, điều hành các hoạt động tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định từ Điều 79 đến Điều 92 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Chủ tọa kỳ họp có trách nhiệm điều hành phiên họp bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chương trình, nội dung đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, khách mời là đại diện các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội của tỉnh phải tham dự đầy đủ thời gian chương trình kỳ họp; vắng mặt phải có đơn xin phép, được Chủ tọa kỳ họp đồng ý. Chủ tọa kỳ họp thông báo công khai danh sách đại biểu vắng mặt vào đầu và cuối buổi làm việc của kỳ họp.

4. Đại biểu dự kỳ họp đúng giờ, mặc trang phục theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quy định trong Giấy triệu tập, Giấy mời; ngồi đúng vị trí do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh sắp xếp.

Trong giờ họp không sử dụng điện thoại di động, không ra ngoài làm việc riêng; việc phát biểu ý kiến phải đăng ký, xin phép và được sự đồng ý của Chủ tọa kỳ họp, chịu trách nhiệm về ý kiến của mình theo các quy định của pháp luật.

5. Phóng viên báo chí khi tác nghiệp tại các phiên họp toàn thể, các phiên thảo luận tổ của Hội đồng nhân dân tỉnh phải thực hiện nghiêm túc quy định của Chủ tọa kỳ họp, phiên họp.

Điều 5. Hội nghị thống nhất thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp

1. Chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết nhiệm vụ phát sinh đột xuất. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì tổ chức hội nghị với đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh; đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; đại diện lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội; Trưởng Ban, các Phó trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và mời một số cơ quan liên quan để thống nhất dự kiến nội dung, những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp và giao các cơ quan chuẩn bị nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Căn cứ nội dung kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể tổ chức họp báo với các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn để thông báo về ngày họp, nơi họp và dự kiến chương trình kỳ họp để nhân dân và cử tri biết.

Điều 6. Tổ chức tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri

1. Trước và sau các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan Nhà nước liên quan ở địa phương. Đối với các kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết nhiệm vụ phát sinh đột xuất, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hình thức tiếp xúc cử tri phù hợp với tính chất, nội dung của kỳ họp.

2. Chậm nhất là 07 ngày làm việc, sau khi kết thúc tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo tại kỳ họp, đồng thời gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xem xét giải quyết trả lời theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Công tác chuẩn bị kỳ họp

1. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết nhiệm vụ phát sinh đột xuất, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan liên quan có trách nhiệm gửi báo cáo,

đề án, tờ trình và dự thảo nghị quyết về Hội đồng nhân dân tỉnh để các Ban của Hội đồng nhân dân thẩm tra.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát, khảo sát, thẩm tra và chuẩn bị báo cáo trình kỳ họp; đôn đốc các cơ quan liên quan trong công tác chuẩn bị kỳ họp. Chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết nhiệm vụ phát sinh đột xuất, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi báo cáo thẩm tra đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh phải được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, 03 ngày trước ngày kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết nhiệm vụ phát sinh đột xuất.

4. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định những tài liệu được lưu hành tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 8. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án, tờ trình

1. Ngay sau khi nhận được báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết từ Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết thuộc lĩnh vực của Ban.

2. Nội dung thẩm tra tập trung vào các vấn đề như: Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của báo cáo, dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Sự cần thiết của nội dung dự thảo nghị quyết đối với đời sống xã hội; đánh giá tác động đối với chủ thể thụ hưởng và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

Điều 9. Triệu tập kỳ họp

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định triệu tập kỳ họp chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết nhiệm vụ phát sinh đột xuất.

2. Dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh cùng với quyết định triệu tập kỳ họp.

Điều 10. Khách mời tham dự kỳ họp

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành phần, số lượng khách mời dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh theo Điều 81 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

2. Các đại biểu khách mời có trách nhiệm tham dự các phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thảo luận về những vấn đề có liên quan đến ngành,

lĩnh vực mà mình phụ trách. Người được mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách nếu được Chủ tọa phiên họp đồng ý hoặc có trách nhiệm phát biểu ý kiến theo yêu cầu của Chủ tọa kỳ họp, chịu trách nhiệm về ý kiến phát biểu của mình theo các quy định của pháp luật.

Điều 11. Ban hành nghị quyết, biên bản của kỳ họp

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh đã thẩm tra dự thảo Nghị quyết có trách nhiệm hoàn chỉnh nội dung sau khi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về thể thức, kỹ thuật trình bày Nghị quyết. Các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra Nghị quyết trước khi trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh ký chứng thực và phát hành theo Điều 86 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

2. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phải được đăng công báo tỉnh, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh; gửi đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện; niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

3. Biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc đại diện Chủ tọa kỳ họp và Thư ký kỳ họp ký tên.

4. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng đề cương báo cáo kết quả kỳ họp gửi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ngay sau khi bế mạc kỳ họp để đại biểu báo cáo với cử tri.

5. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh phải được gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

Điều 12. Công tác Thư ký kỳ họp

1. Công tác Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh cử Thư ký kỳ họp sau khi xin ý kiến và được sự đồng ý của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thư ký kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ:

a) Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.

b) Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp Tổ đại biểu và phiên họp toàn thể.

c) Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện các quy trình, thủ tục tại kỳ họp; cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

d) Phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan hữu quan chính lý dự thảo Nghị quyết và các văn bản khác, báo cáo Chủ tọa kỳ họp để trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Trình bày dự thảo các nghị quyết của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh để Chủ tọa kỳ họp điều hành biểu quyết thông qua.

e) Hoàn thiện hồ sơ, tài liệu bàn giao quản lý, lưu trữ theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Mục 2

GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 13. Giám sát tại kỳ họp và giám sát chuyên đề

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân trên cơ sở đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và kiến nghị của cử tri, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước.

2. Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và cử tri gửi đề nghị, kiến nghị giám sát đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Đề nghị, kiến nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

3. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tập hợp, tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận và lập dự kiến chương trình giám sát trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của Hội đồng nhân dân.

5. Trình tự tiến hành các hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định từ Điều 56 đến Điều 65 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

Điều 14. Hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện quyền chất vấn tại kỳ họp và chất vấn giữa hai kỳ họp. Trình tự thủ tục chất vấn được thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

2. Trước hoặc trong thời gian kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ghi vấn đề chất vấn và người có trách nhiệm trả lời chất vấn vào phiếu chất vấn, gửi đến Chủ tọa kỳ họp. Trong thời gian giữa hai kỳ họp, chất vấn của đại biểu được

gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để chuyển đến người có trách nhiệm trả lời chất vấn và quyết định thời hạn trả lời chất vấn.

4. Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhóm vấn đề chất vấn và đối tượng chất vấn. Những ý kiến chất vấn, trả lời chất vấn phải được ghi đầy đủ vào biên bản kỳ họp.

5. Nội dung chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, nội dung của người có trách nhiệm trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh phải ngắn gọn, đúng trọng tâm. Việc trả lời chất vấn được thực hiện trực tiếp tại kỳ họp hoặc có thể bằng văn bản nếu được Chủ tọa kỳ họp đồng ý. Đại biểu khách mời được phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách liên quan đến nội dung chất vấn nếu được Chủ tọa kỳ họp đồng ý hoặc theo yêu cầu của Chủ tọa kỳ họp.

6. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể.

b) Người có trách nhiệm trả lời chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có).

c) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại để người có trách nhiệm trả lời chất vấn trả lời. Những người khác có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

d) Mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được quyền chất vấn một hoặc nhiều lần về một hoặc nhiều vấn đề; thời gian đặt câu hỏi chất vấn cho một nội dung không quá 03 phút; thời gian trả lời chất vấn không quá 07 phút cho một nội dung, trừ trường hợp đặc biệt do Chủ tọa kỳ họp quyết định.

7. Việc trả lời chất vấn bằng văn bản khi nội dung chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp và vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh... Người có trách nhiệm trả lời chất vấn bằng văn bản phải trực tiếp trả lời, gửi văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu không đồng ý với nội dung trả lời thì có quyền đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra thảo luận tại kỳ họp hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người có trách nhiệm trả lời chất vấn.

8. Phiên họp chất vấn tại Hội đồng nhân dân tỉnh được phát thanh, truyền hình trực tiếp, trừ trường hợp do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ra nghị quyết về chất vấn.

9. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, người có trách nhiệm trả lời chất vấn gửi báo cáo về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao liên quan đến vấn đề chất vấn (nếu có) đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 15. Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm

1. Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm đối với: Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Có kiến nghị của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân;
- b) Có kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp;
- c) Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân trở lên đánh giá tín nhiệm thấp

3. Thời hạn, thời điểm, trình tự lấy phiếu tín nhiệm đối với người được Hội đồng nhân dân lấy phiếu tín nhiệm do Quốc hội quy định.

Chương III THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 16. Cơ cấu tổ chức, hoạt động

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân tỉnh, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 104 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và các quy định khác của pháp luật; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh. Làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Đồng thời, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu và cá nhân các thành viên trong tập thể Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với công việc theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

3. Hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được bảo đảm bằng hoạt động của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; sự tham gia của thành viên các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; sự phối hợp công tác của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo Điều 105 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và theo Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 17. Phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực Hội đồng nhân dân để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 106 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 69, Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 và theo các quy định khác của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng một lần. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự.

3. Trong các phiên họp thường kỳ hoặc chuyên đề, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn hoặc trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo Điều 69, Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

4. Hằng năm, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức các hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh với Thường trực Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố vào tuần cuối cùng của tháng cuối quý để trao đổi, phối hợp hoạt động; bàn các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân. Lắng nghe, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri do Hội đồng nhân dân cấp huyện tổng hợp.

5. Ngoài các phiên họp thường kỳ hoặc chuyên đề, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức họp giao ban với lãnh đạo các Ban và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh mỗi tuần một lần. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì cuộc họp giao ban hoặc ủy quyền Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì. Ý kiến kết luận của chủ trì cuộc họp được lập thành văn bản gửi đến các cơ quan liên quan để biết, triển khai thực hiện.

Điều 18. Giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện quyền giám sát chuyên đề theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 5 và Điều 66, Điều 67, Điều 70 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

1. Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề. Quyết định thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

2. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về hoạt động giám sát của mình giữa hai kỳ họp.

Điều 19. Tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thay mặt Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân, xây dựng và công bố lịch tiếp công dân hằng tháng theo quy định tại Điều 107 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật tiếp công dân và Nghị quyết số 759/2014/UBTVQH13 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết về hoạt động tiếp công dân của các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

3. Ngoài tiếp công dân định kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công lịch tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (chuyên trách) trong giờ hành chính vào ngày thứ Năm hằng tuần tại trụ sở tiếp công dân của tỉnh. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo các điều kiện phục vụ tiếp công dân.

Điều 20. Mối quan hệ công tác với cơ quan, tổ chức

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh định kỳ báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ; Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh theo Quy chế phối hợp công tác giữa các bên.

2. Mối quan hệ công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với cơ quan, tổ chức được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021-2026.

Chương IV CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh. Hội đồng nhân dân tỉnh có 03 Ban: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội. Mỗi Ban có không quá 09 thành viên, gồm Trưởng ban, Phó

Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban có thể hoạt động chuyên trách, Phó Trưởng ban hoạt động chuyên trách, các Ủy viên hoạt động kiêm nhiệm.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến lĩnh vực phụ trách. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

b) Giúp Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong các lĩnh vực phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi phụ trách.

c) Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh; trong thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phụ trách các lĩnh vực và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 108 đến Điều 111 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Trên cơ sở Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân, các Ban xây dựng Quy chế hoạt động, phân công các thành viên Ban theo vị trí, chức năng phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Điều 22. Hoạt động thẩm tra

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết thuộc lĩnh vực của Ban và theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Để chuẩn bị cho việc thẩm tra, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh cử thành viên tham gia nghiên cứu dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề mà Ban thẩm tra; tổ chức họp lấy ý kiến của những người am hiểu; khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan đến nội dung thẩm tra.

3. Báo cáo thẩm tra cần đánh giá về sự phù hợp của dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nêu rõ quan điểm và đề xuất phương án xử lý đối với những nội dung còn có ý kiến khác nhau.

Điều 23. Hoạt động giám sát, khảo sát

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát, khảo sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự tỉnh; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Ban phụ trách.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh lập chương trình giám sát hằng năm căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến các thành viên của Ban. Chương trình giám sát, khảo sát hằng năm của Ban được xem xét, quyết định vào cuối năm trước. Trưởng Ban tổ chức thực hiện chương trình giám sát; trường hợp cần thiết, chương trình giám sát, khảo sát có thể được điều chỉnh.

3. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát chuyên đề theo kế hoạch. Quyết định thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát. Đoàn giám sát do Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn, các thành viên khác gồm Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh có thể được mời tham gia hoạt động Đoàn giám sát.

4. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát phải báo cáo kết quả giám sát với Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh. Căn cứ vào tính chất, nội dung của vấn đề được giám sát, Ban tổ chức phiên họp để xem xét, thảo luận về báo cáo của Đoàn giám sát. Báo cáo kết quả giám sát của Ban gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; đồng thời có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Điều 24. Mối quan hệ phối hợp công tác

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban thường vụ Quốc hội khi các cơ quan này về công tác ở địa phương, hoặc phối hợp trao đổi kinh nghiệm về lĩnh vực hoạt động của mình.

4. Ban của Hội đồng nhân dân cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo yêu cầu.

5. Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức hữu quan ở địa

phương có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề mà Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

Chương V

TỔ ĐẠI BIỂU VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 25. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập và chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó trên cơ sở số lượng đại biểu được bầu tại mỗi đơn vị hành chính cấp huyện. Đại biểu có nhu cầu chuyển sinh hoạt Tổ cho phù hợp với điều kiện công tác và cư trú thì làm đơn gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 112 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Tổ chức họp mỗi quý một lần. Trước kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu sinh hoạt để nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến tại kỳ họp.

4. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ sở xác nhận tính pháp lý của văn bản do Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân ban hành.

5. Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu. Chủ trì các cuộc họp Tổ, tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu và các thành viên dự họp để phản ánh với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Tổ chức và phân công các thành viên thực hiện một số nội dung giám sát trên địa bàn ứng cử. Báo cáo kết quả giám sát về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Phân công đại biểu viết báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri đối với những điểm tiếp xúc có từ 02 đại biểu trở lên cùng tham dự; đôn đốc đại biểu trong tổ gửi báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đúng thời hạn.

6. Tổ phó giúp Tổ trưởng điều hành hoạt động của Tổ theo phân công của Tổ trưởng. Các đại biểu trong Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp do Tổ trưởng triệu tập; tham gia đầy đủ các hoạt động của Tổ đại biểu, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi được phân công; quan hệ chặt chẽ với chính quyền, cơ quan, đơn vị, nhân dân trong khu vực để nắm tình hình, nguyện vọng nhân dân và phản ánh trong các cuộc họp Tổ đại biểu.

Điều 26. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định từ các Điều 93 đến Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm

2015 và Khoản 27, 28, 31, Điều 2 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019. Đồng thời, thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Chủ động đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh. Chuẩn bị ý kiến đóng góp vào nội dung kỳ họp; các bản dự thảo do Thư ký kỳ họp chuyển đến để lấy ý kiến, đại biểu có trách nhiệm tham gia và chuyển lại Thư ký kỳ họp theo thời gian quy định.

2. Tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân, các cuộc họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh triệu tập; thực hiện đúng các chương trình, kế hoạch công tác của Ban, của Tổ đại biểu mà đại biểu là thành viên. Khi tham gia các hoạt động liên quan đến công tác của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải đeo phù hiệu.

3. Tập trung tham gia góp ý nội dung các dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua việc phát biểu góp ý trực tiếp tại hội trường hoặc chỉnh sửa trực tiếp vào văn bản dự thảo; thể hiện rõ chính kiến đối với những dự thảo Nghị quyết còn có nhiều ý kiến, phương án khác nhau.

4. Tích cực thảo luận, tranh luận, chất vấn đối với các vấn đề bức xúc của cử tri. Việc chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải tuân thủ quy định tại Điều 96 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Điều 60 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

5. Tiếp công dân theo quy định của pháp luật và Kế hoạch của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc do Tổ trưởng phân công. Khi nhận được kiến nghị, khiếu nại tố cáo của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, hướng dẫn công dân gửi đơn đến đúng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết hoặc thông qua Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển đơn đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết theo quy định.

6. Thường xuyên sâu sát cơ sở, chủ động gặp gỡ cử tri bằng nhiều hình thức gián tiếp, trực tiếp, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; phát hiện kịp thời những sai phạm trong công tác quản lý kinh tế - xã hội, có kiến nghị biện pháp khắc phục...

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

8. Xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu, vì lý do sức khoẻ hoặc lý do khác, phải làm đơn đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp nhận cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu.

Chương VI **QUAN HỆ CÔNG TÁC VỚI CÁC CƠ QUAN,** **TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN**

Điều 27. Với Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chuẩn bị những nội dung, vấn đề cần trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thẩm định các báo cáo, tờ trình, đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh và của các ngành chức năng theo đúng luật định.

3. Xác định các chương trình, dự án cần trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại các kỳ họp hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Lãnh đạo bảo đảm sự thống nhất đối với các chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy khi cần biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 28. Với các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung của Quy chế phối hợp giữa Thường trực Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của cử tri chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương giải quyết; thông tin tới cử tri về nội dung trả lời, kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân, các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh trong việc chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết... trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; phối hợp trong việc theo dõi và giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp. Đại diện Ủy ban nhân dân, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh được mời dự các cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi bàn về những vấn đề có liên quan.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp chặt chẽ với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh xây dựng và ban hành quy chế phối hợp công tác nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh thông qua hệ thống Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, của Tổ đại biểu, các Ban của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự thảo văn bản pháp luật và những vấn đề quan trọng của tỉnh.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, năm), Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về các nội dung thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh; gửi văn bản quy phạm pháp luật và các quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn chuẩn bị các nội dung được dự kiến trình kỳ họp; thực hiện các thủ tục và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu của Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 30. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Cơ quan trình đề án, dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục và thời hạn xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết; phối hợp chặt chẽ với Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong quá trình xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết để trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, nội dung, yêu cầu giám sát; cung cấp thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giám sát; báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời đáp ứng các yêu cầu phục vụ hoạt động giám sát.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp. Báo cáo chương trình, kết quả công tác hàng tháng, quý, năm và các báo cáo khác theo yêu cầu; phối hợp với Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ giám sát, khảo sát tại địa phương khi có yêu cầu.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được ý kiến, kiến nghị của cử tri có trách nhiệm trả lời đầy đủ tại kỳ họp thường lệ gần nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ liền kề của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương VIII

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 31. Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân tỉnh

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp việc và phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18/9/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” và các văn bản có liên quan.

Điều 32. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh được bố trí từ ngân sách tỉnh, do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong kế hoạch ngân sách hằng năm. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo việc sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo các điều kiện tổ chức, hoạt động và các chế độ theo quy định của pháp luật. Hằng năm, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Thường trực Hội đồng nhân dân lập dự trù kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; đồng thời có trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý có hiệu quả nguồn kinh phí, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng luật định.

Điều 33. Chế độ chính sách và khen thưởng

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được hưởng các chế độ, chính sách do pháp luật quy định và theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Chương IX **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 34 . Trách nhiệm thi hành

Căn cứ Quy chế này và quy định của pháp luật, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Quy chế làm việc phù hợp với quy chế này và tổ chức thực hiện đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

Điều 35 . Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Quy chế; đề xuất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh các nội dung cần sửa đổi, bổ sung để trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2021 cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026 . Khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ ban hành những quy định khác với Quy chế này thì thực hiện các văn bản của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Chung